

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2023/HS-PT**
Ngày: 13/01/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 562/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Cao Văn V và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Cao Văn V, sinh ngày 13/11/1993, tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn M1, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S và bà Hoàng Thị D1; chung sống như vợ chồng với: Hoàng Thị Quế P1 và có 01 con sinh năm 2017

Tiền sự: Ngày 25/12/2019, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 05/3/2020, bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ -XPVPHC số tiền 750.000 đồng; tiền án: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 06/2014/HSST ngày 19/3/2014, Tòa án nhân dân huyện I4, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo Cao Văn V 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tháng 10/2016 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị tạm giam từ ngày 24/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Huy T, sinh ngày 24/9/1999, tại Huyện I, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: xã U1, Huyện I, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy T2 và bà Nguyễn Thu Tr; mẹ kế là bà Đào Thị D3.

Tiền sự: Ngày 25/12/2019, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 05/3/2020, bị Công an tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ -XPVPHC số tiền 750.000 đồng; Tiền án: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

3. Họ và tên: Trần Đức D, sinh ngày 23/8/1999, tại huyện I2, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: xã U2, huyện I2, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được; bố dượng: Trần Đức D2; mẹ đẻ: Đinh Thị T2;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

4. Họ và tên: Cao Văn N, sinh ngày 22/4/1995, tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn M1, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S và bà Hoàng Thị D1; có vợ là Đỗ Thị TH và 01 con chung sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 09/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

5. Họ và tên: Vương Văn T1, sinh ngày 16/10/1987, tại huyện I3, tỉnh Yên Bái; nơi thường trú: xã U3, huyện I3, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông V Thanh T3 (chết) và bà Phạm Thị S; chung sống như vợ chồng với Hoàng Thị N và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 42/2008/HSST ngày 27/11/2008, Tòa án nhân dân huyện I3, tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo Vương Văn T1 09 năm tù về tội “Cướp tài sản” ngày 17/12/2016 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (có mặt).

*** Người bào chữa cho các bị cáo do Tòa án chỉ định:**

- Bào chữa cho bị cáo Cao Văn V: Luật sư X- Công ty Luật hợp danh Y, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai.

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Huy T: Luật sư X1- Công ty Luật hợp danh Y1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai.

- Bào chữa cho bị cáo Trần Đức D: Luật sư X2- Công ty Luật hợp danh Y1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai.

- Bào chữa cho bị cáo Cao Văn N: Luật sư X3 - Văn phòng luật sư Y3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai.

(Tại phiên tòa phúc thẩm, các Luật sư có tên nêu trên đều có mặt, nhưng các bị cáo đều từ chối Luật sư bào chữa cho mình).

- Bào chữa cho bị cáo Vương Văn T1: Luật sư X4- Văn phòng luật sư Y4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai (có mặt).

*** Người bào chữa do người thân bị cáo Cao Văn V mời:** Luật sư X5, Công ty Luật Hợp Danh Y5, Đoàn Luật sư Hà Nội (Vắng mặt).

*** Người bào chữa do người thân bị cáo Cao Văn N mời:** Luật sư X6, Công ty Luật Hợp Danh Y5, Đoàn Luật sư Hà Nội (Vắng mặt và có đơn từ chối bào chữa cho bị cáo N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 29/02/2020, tại tổ K1, phường U5, thành phố C, Công an thành phố C phát hiện 01 xe ô tô taxi HH BKS - 24A 102.XX do Nguyễn Hoài N1 lái xe đi cùng Đồng Duy N2 đang đỗ trước cửa khách sạn HG có biểu hiện liên quan đến tội phạm ma túy. Tiến hành kiểm tra xe ô tô, thu giữ 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 02 viên nén màu xám, trên một mặt các viên có chữ “TESLA”; 02 túi nilon màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng. Quá trình kiểm tra, Đồng Duy N2 tự khai nhận đang mang ma túy đi bán.

Khám xét chỗ ở của Đồng Duy N2 tại nhà nghỉ BA số O, đường G, tổ K2, phường L, thành phố C : Thu giữ tại khu vực hàng rào sắt phía sau nhà nghỉ 01 lọ nhựa bên trong có 03 túi nilon chứa 27 viên nén, trên một mặt có chữ “TESLA”; 01 xô nhựa (dạng xô đựng sơn), bên trong có 02 cân điện tử; 24 túi nilon chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; 02 túi chứa 210 viên nén màu xanh, trên một mặt các viên đều có chữ “S”; 01 khẩu súng bằng kim loại dài 15cm, có chữ “ZORAKI MOD 914 - TD AUTO”, bên trong hộp tiếp đạn có 05 viên đạn bằng kim loại; 01 khẩu súng bằng kim loại dài 19,4 cm, bên trong hộp tiếp đạn có 02 viên đạn bằng kim loại; 01 két sắt, 01 đầu thu camera.

Ngày 20/3/2020, Công an tỉnh Lào Cai tiếp tục khám xét nhà nghỉ BA, thu giữ: 05 thẻ nhựa; 20 ống hút bằng nhựa; 02 đĩa sứ có bám dính ma túy Ketamine trên mặt đĩa và 02 camera.

Ngày 24/4/2020, Công an tỉnh Lào Cai bắt được Cao Văn V tại phường Z1, thành phố E, tỉnh Thái Nguyên và bắt Trần Đức D cùng hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi biết thông tin Cao Văn V và Trần Đức D đã bị bắt, Lương Đức T4, Hà Ngọc A, Nguyễn Quý Đ1 đã đến Công an xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình, Hà Ngọc A giao nộp 01 chiếc xe mô tô BKS 29H1 - 272. XX.

Ngày 28/4/2020, Công an tỉnh Lào Cai tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hà Ngọc A, tại thôn M2, xã L1, huyện B, tỉnh Lào Cai, thu giữ 01 lọ nhựa, bên trong đựng nhiều gói nilon chứa các viên nén; 27 túi nilon nhỏ bên trong chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng; 03 gói nilon chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng. Quá trình khám xét, Hà Ngọc A đã tự giác chỉ vị trí chôn giấu ma túy tại nương ngô, cách nhà ở khoảng 17,3m và khai đây là số ma túy do Cao Văn N, Trần Đức D, Nguyễn Quý Đ1 mang từ nhà trọ của Cao Văn N đến nhà Hà Ngọc A để chôn giấu.

Ngày 09/5/2020, đã bắt được Cao Văn N tại Xã Q, huyện R, tỉnh Đắk Nông; bắt Vương Văn T1 tại xã Q1, huyện R1, tỉnh Đắk Nông về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Khám xét nơi ở và khu vực có liên quan của Cao Văn N (thuê nhà của bà Cao TD), tại khu vực góc vườn phía sau nhà thu giữ 01 lọ nhựa bên trong có 01 cân điện tử (chôn giấu dưới đất sâu khoảng 50cm).

Ngày 15/6/2021, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định khởi tố bị cáo và ra Lệnh bắt bị cáo để tạm giam đối với Lê Minh Đ về hành vi che giấu tội phạm, khám xét nơi ở của Lê Minh Đ thu giữ 08 viên đạn súng quân dụng.

Tại Kết luận giám định số 60/GĐMT ngày 06/3/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng thu giữ của Đồng Duy N2 trong khi bắt quả tang ngày 29/02/2020 là: 1,02 gam chất ma túy MDMA và 1,53 gam chất ma túy Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 63/GĐMT ngày 07/3/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng thu giữ trong khi khám xét nhà nghỉ BA ngày 29/02/2020 là: 94,26 gam chất ma túy MDMA và 18,36 gam chất ma túy Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 87/GĐMT ngày 06/5/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Vật chứng thu giữ trong khi khám xét tại nơi ở của Hà Ngọc A ngày 28/4/2020 là 1.300,42 gam chất ma túy MDMA và 307,35 gam chất ma túy Ketamine.

Tại Kết luận giám định số 29/GĐMT ngày 07/01/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Ảnh chụp 03 loại viên MDMA thu giữ khi khám xét Hà Ngọc A ngày 28/4/2020 thì viên có khối lượng nhỏ nhất trong 20 viên lấy ngẫu nhiên mỗi loại là 0,35 gam (có bảng khối lượng kèm theo).

Tại Kết luận giám định số 3381/C09-P3 ngày 19/6/2020, Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng bằng kim loại dài 20cm gửi giám định là súng K54, thuộc vũ khí quân dụng; 02 khẩu súng có ký hiệu lần lượt là: “ZORAKI MODE

914-TD AUTO 0816-001455” và “ZORAKI M 906-TD, Ng 000184 0619” gửi giám định là súng ngắn bắn đạn cao su, hơi cay cỡ 9mm, thuộc công cụ hỗ trợ; 07 viên đạn có kí hiệu “OZK 9mm P.A” là đạn cao su cỡ 9mm, thuộc công cụ hỗ trợ; 02 viên đạn có kí hiệu lần lượt “22-52” và “38-86” gửi giám định là đạn cỡ 7,62 x 25mm, loại đạn này thuộc vũ khí quân dụng, hiện tại không sử dụng để bắn được;

Tại Kết luận giám định số 5140/C09-P3 ngày 17/6/2021, Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: 08 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ 9x19mm, thuộc vũ khí quân dụng.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Do có mối quan hệ quen biết, nên tháng 11/2019, Lê Minh Đ là cán bộ đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố C đã đưa Cao Văn V đi tìm thuê nhà nghỉ BA (có 09 phòng) của chị Nguyễn TH, tại số 01, đường G4, tổ J, phường L, thành phố C, với giá 15.000.000 đồng/01 tháng, thời hạn thuê 01 năm, đã thanh toán đủ 180.000.000 đồng. Sau khi nhận thuê nhà nghỉ, V đã cải tạo 04 phòng (ốp tường cách âm, trải thảm) làm phòng cho khách thuê để sử dụng ma túy (phòng bay) và gọi một số bạn bè quen biết từ trước gồm Nguyễn Huy T (thường gọi là Mít), Phạm Trí H và Lương Đức T4 đến làm cho V. V giao cho H nhiệm vụ trực lễ tân, phục vụ cung cấp loa, đài, đèn nháy, đĩa sứ, ống hút, thẻ cào cho khách thuê phòng sử dụng ma túy và thu tiền của khách; V giao cho Thuý nhiệm vụ trực tiếp đi bán ma túy ở ngoài; giao cho Nguyễn Huy T liên hệ tìm mua ma túy và có nhiệm vụ cất giấu, quản lý, chia tách ma túy tại nhà nghỉ BA và trực tiếp bán ma túy.

Tháng 12/2019, Lê Minh Đ đã đưa Nguyễn Văn D5 đến nhà nghỉ BA xin vào làm. V giao cho D5 cùng H trực lễ tân, phục vụ phòng cho khách sử dụng ma túy. Ngoài các đối tượng trên, tại nhà nghỉ BA còn có Nguyễn Thị LH; Lô VHVà Phan Quốc Hà thường xuyên đến chơi.

Các bị cáo mua bán ma túy gồm Ketamine (ke) và ma túy MDMA (kẹo); giá bán từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/01 túi (chỉ) ke, 400.000 đồng đến 500.000 đồng/01 viên kẹo. Khi khách có nhu cầu mua thì V hoặc T đưa ma túy cho T4 mang đi bán. Thời gian đầu, các bị cáo bán ma túy nhận tiền mặt, toàn bộ tiền bán ma túy giao lại cho Cao Văn V, nếu V không có ở nhà thì đưa cho T, việc đưa tiền bán ma túy chủ yếu do Lương Đức T4 thực hiện. T khai nhiều lần đưa ma túy cho T4 mang đi bán, số lượng mỗi lần ít nhất khoảng 03 chỉ Ketamine và 05 viên kẹo. Sau đó V sử dụng tài khoản ngân hàng Vietinbank số 100870970136 của Phạm Trí H để nhận tiền bán ma túy và tiền cho khách thuê phòng sử dụng ma túy. Đầu tháng 01/2020, V chỉ đạo H đăng ký mở tài khoản ngân hàng Techcombank số 19035342226018 để nhận tiền, nếu thu được tiền mặt thì H gom lại và đem đến trụ sở Công ty Viettel khu vực B6, phường L nộp vào tài khoản của H. Khi V chưa có tài khoản ngân hàng thì tiền trong tài khoản của H sử dụng theo ý của V. Đến ngày 16/01/2020, V đăng ký mở tài khoản tại ngân hàng Techcombank số 19035446082018, thì toàn bộ số tiền

thu được từ việc bán ma túy và cho thuê phòng sử dụng ma túy Phạm Trí H chuyển hết vào tài khoản ngân hàng của V.

Nguyễn Huy T khai mua ma túy của người nam giới tên Trung ở thành phố Hà Nội, Ketamine giá khoảng 90.000.000 đồng/01 lạng, MDMA (viên) giá khoảng 200.000 đồng/01 viên. Một thời gian thì T không liên lạc được với Trung nữa, nên V tự liên hệ tìm mua. Ngoài ra, Cao Văn V đã giao cho T 02 lần đi nhận ma túy tại thành phố Hải Phòng, cụ thể:

Lần thứ nhất là khoảng ngày 28/01/2020 (mùng 4 tết âm lịch năm 2020), T đang ở Hà Nội thì V gọi điện cho T, một mình T đi Hải Phòng nhận ma túy của một người nam giới (không quen biết), do V gửi số điện thoại, số lượng khoảng hơn 2000 viên ma túy MDMA loại chữ S (gọi là loại superman), sau khi lấy được ma túy T mang về xã L1, huyện B giao cho Cao Văn N (em trai Cao Văn V).

Lần thứ hai là ngày 26/02/2020, T đi thành phố Hải Phòng cũng nhận của một người nam giới theo số điện thoại V gửi 03 bọc (gọi là thùng) ma túy, số lượng khoảng hơn 2000 viên MDMA, trong đó có 02 bọc loại viên có chữ “EA7” và 01 bọc loại viên màu xanh không định hình. Sau khi nhận xong số ma túy này T tiếp tục mang về xã L1, huyện B giao cho Cao Văn N theo sự chỉ đạo của V và có lấy mỗi loại một số viên mang về nhà nghỉ BA cùng V dùng thử.

Ngày 20/01/2020 (tức ngày 26/12/2019 âm lịch), khi các bị cáo về nghỉ tết thì V cho mỗi người 5.000.000 đồng và sau tết âm lịch (năm 2020), Lương Đức T4, Nguyễn Văn D5 không làm tại nhà nghỉ BA nữa, nên V đã gọi Trần Đức D và Đồng Duy N2 lên nhà nghỉ BA. V giao cho Trần Đức D nhiệm vụ trực tiếp bán ma túy và thay T quản lý, cất giữ ma túy khi T đi vắng; giao cho Đồng Duy N2 nhiệm vụ trực lễ tân, phục vụ phòng sử dụng ma túy cùng với Phạm Trí H và bán ma túy. Toàn bộ mỗi bán ma túy (số điện thoại của người mua ma túy), T4 đã chuyển lại cho D và N tiếp tục bán.

Trần Đức D khai khi bán hết ma túy, V chỉ đạo cho D trực tiếp về xã L1, huyện B nhận ma túy từ Cao Văn N (em trai V) mang lên nhà nghỉ BA để bán và đã 02 lần nhận ma túy từ Cao Văn N, trong đó có 01 lần nhận thời gian cuối tháng 02/2020 (số ma túy còn lại chưa bán hết bị thu giữ khám xét tại nhà nghỉ BA). Cũng trong thời gian này tại nhà nghỉ BA T và D đưa ma túy hoặc chỉ chỗ cất giấu ma túy cho Đồng Duy N2 và Phạm Trí H đã nhiều lần tự lấy đi bán.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Đồng Duy N2 đã bán cho Nguyễn Việt D 01 chỉ Ketamine và 01 viên MDMA, bán cho Lê TK 01 chỉ Ketamine và đưa Lô VH đi bán 05 viên MDMA. Phạm Trí H trực tiếp đi bán 03 chỉ Ketamine và 05 viên MDMA, bán cho Nguyễn Việt D 02 lần số lượng 05 chỉ Ketamine và 08 viên MDMA, thanh toán tiền bán 03 chỉ Ketamine và 06 viên MDMA cho Trần VĐ. Thời gian này các đối tượng đi bán về nộp lại 2.000.000 đồng/01 chỉ Ketamine và 400.000 đồng/01 viên MDMA, bán giá cao hơn bao nhiêu thì được hưởng bấy nhiêu vì V chỉ nuôi ăn ở, không trả tiền công.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/02/2020, Cao Văn V nói với Trần Đức D mang ma túy và súng mà D đang quản lý vào phòng ngủ của V tại tầng 1 nhà nghỉ BA để kiểm tra (Khi D mang vào, trong phòng lúc đó có V và T); V trực tiếp kiểm tra ma túy và các khẩu súng, trong đó có 01 khẩu súng K54 và 03 khẩu súng bắn đạn cao su cùng với T và D. Sau khi kiểm tra, xác nhận đủ ma túy thì V bảo D đi cất ma túy và khẩu súng K54, D đã mang lên tầng thượng nhà nghỉ BA cất giấu, còn 03 khẩu súng bắn đạn cao su V mang ra phòng bếp đưa cho H mang đi cất giấu. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày 27/02/2020, có thông tin Hoàng Văn D4 (tức D4 Black là người nhiều lần mua ma túy của D) bị bắt nên D thông báo cho V và T biết; V bảo T mang ma túy đi cất giấu nhưng T lại bảo D đi cất giấu và D đã lấy túi đựng ma túy, súng đã cất trước đó đi xuống tầng 1 cùng Đồng Duy N2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát H1 đi cất giấu. D cất giấu túi đựng ma túy, và khẩu súng K54 tại vị trí cống sập trên đường G3, gần trường Trung học cơ sở Q, thuộc tổ J1, phường L. Khi quay về nhà nghỉ thì gặp Nguyễn Thành L3, trú tại Tổ J2, phường G5, thành phố C đến nhà nghỉ báo tin D4 bị bắt. Tại đây V chỉ đạo đóng cửa nhà nghỉ không hoạt động nữa, bảo L3 cùng N đi xem việc D4 bị bắt; D đi xe mô tô BKS 24B1 - 464.XX của D4 cầm cố để mua ma túy từ trước đến nhà nghỉ khác ngủ; V, T mang theo túi đựng 03 khẩu súng bắn đạn cao su H cất trước đó lên ô tô biển kiểm soát 24A - 143.XX ra khỏi nhà nghỉ. Ngay sau đó, tất cả các đối tượng lại quay về ở nhà nghỉ BA.

Trưa ngày 28/02/2020, Trần Đức D đã chỉ vị trí cất giấu ma túy ở khu vực cống sập cho T biết, sau đó D về xã L1, huyện B trốn do sợ bị bắt vì bán ma túy cho D4. Khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày 28/02/2020, Đồng Duy N2 sử dụng xe mô tô BKS 29S1 - 063.XX chở T ra vị trí cống sập lấy ma túy cất giấu mang về nhà nghỉ BA tiếp tục bán. Khi mang về T cất toàn bộ túi đựng ma túy, súng K54 và khẩu súng bắn đạn cao su, hơi cay của T vào xô sơn sau nhà nghỉ, lấy lọ nhựa đựng ma túy trong túi ra để cạnh xô sơn. Khoảng 22h cùng ngày 28/02/2020, có người gọi hỏi mua ma túy, nên Đồng Duy N2 đã đưa cho Lô VH 05 viên MDMA đi giao tại khu vực đường A1, thành phố C. Hách đã nhận 2.250.000 đồng về đưa cho N, số tiền này N đưa cho T và được T cho lại 250.000 đồng, N khai đã cho Hách số tiền này. Cũng trong đêm 28/02/2020, Đồng Duy N2 đã mang 01 chỉ Ketamine đến thị trấn PR, huyện B1, bán cho Đinh Trung K với giá 4.500.000 đồng. Trưa ngày 29/02/2020, Đồng Duy N2 tiếp tục đi bán 02 viên MDMA (loại TESLA) và 02 túi Ketamine thì bị bắt quả tang.

Sau khi Đồng Duy N2 bị bắt, Nguyễn Huy T và Phạm Trí H bị đưa đi cai nghiện tại Công an phường Z3; Cao Văn V và Trần Đức D đi khỏi nhà nghỉ BA, nhưng tối 02/3/2020, Cao Văn V chỉ đạo cho Trần Đức D về xã L1, Văn Bàn gặp Cao Văn N mang số ma túy N đang quản lý đi cất giấu. Tại nhà trọ thuê của bà Cao TD, ở thôn M1, xã L1, Cao Văn N mang túi đựng ma túy đến, lúc này có Trần Đức D, Hà Ngọc A, Nguyễn Quý Đ1, các đối tượng cho ma túy vào một chiếc túi xách và lấy một chiếc áo cũ phủ lên. Sau đó D, N, Đ1, Ngọc A mang túi đựng ma túy đi vào nhà Hà Ngọc A ở thôn M2, xã L1. Tại phòng ngủ của Ngọc A các đối tượng bỏ

toàn bộ ma túy ra giường để kiểm tra, sau đó cất vào một chiếc lọ nhựa và mang ra khu đất trống phía sau nhà giáp phòng ngủ của Ngọc A, đào hố chôn giấu xuống đất. Sau khi cất giấu tại nhà Hà Ngọc A được khoảng 01 tuần thì Cao Văn V gọi điện cho Cao Văn N lấy ma túy về giao cho Vương Văn T1 cất giấu. Cao Văn N và Nguyễn Quý Đ1 đã đến nhà Hà Ngọc A đào lấy ma túy lên mang về nhà trọ của N. Khoảng ngày 25/3/2020, N gọi điện cho Vương Văn T1, sau đó T1 đến gặp N và Đ1 lấy túi ma túy rồi một mình mang về chôn giấu tại vườn mía nhà bố vợ của T1 là ông Hoàng Văn V1, tại thôn Én, xã L1. Khoảng đầu giờ chiều ngày 02/4/2020, Trần Đức D cùng Hà Ngọc A về xã L1 gặp Cao Văn N để lấy ma túy đi cất giấu. Việc này D khai nhận là do V chỉ đạo qua điện thoại, nghi ngờ ma túy bị thiếu hụt. Khi gặp Cao Văn N thì được N cho biết ma túy đã đưa cho Vương Văn T1 cất giấu. D cùng Ngọc A và N đi 01 xe mô tô BKS 24V1 - 075.XX vào nhà T1 để lấy ma túy. Đến nơi, T1 đào ma túy tại vườn mía lên kiểm tra và đưa cho D, D cất túi ma túy vào 01 bao tải rồi cùng Ngọc A, N mang đến nhà Hà Ngọc A. Tại buồng ngủ của Ngọc A các đối tượng (D, N, Ngọc A) kiểm tra, đếm toàn bộ số ma túy MDMA (gồm 03 loại: S, EA7, viên màu xanh không định hình) và cân số ma túy Ketamine còn lại. Do không có túi đựng Ngọc A gọi Nguyễn Quý Đ1 mang túi nilon đến, tại đây Đ1 đứng xem việc kiểm đếm ma túy một lúc rồi về trước. Sau khi cân, kiểm đếm, đóng gói lại toàn bộ ma túy theo loại, xác định còn khoảng hơn 2000 viên MDMA và khoảng 300g Ketamine. Do không muốn nhiều người tham gia cất giấu biết, để bị phát hiện nên các đối tượng thống nhất giao cho Ngọc A tự cất giấu một mình. Hà Ngọc A đã mang số ma túy này chôn giấu tại nương ngô phía sau nhà ở của mình. Ngày 04/5/2020 Cơ quan điều tra đã cho các bị cáo Trần Đức D, Hà Ngọc A, Nguyễn Quý Đ1 xác định vị trí chôn giấu ma túy, vị trí các bị cáo kiểm tra ma túy ở nhà Hà Ngọc A tại thôn M2, xã L1. Các bị cáo đã xác định được vị trí chôn giấu ma túy là nền đất phía ngoài sau nhà, cách tường buồng ngủ của Ngọc A là 1,2m. Tiến hành đào kiểm tra vị trí chôn giấu ma túy phát hiện thu giữ được 01 túi xách có quai và khóa kéo, bên trong có 07 túi ni lon, băng dính, 01 áo sơ mi cũ màu trắng. Các bị cáo khai nhận đó là chiếc túi đựng ma túy cất giấu từ trước, ngoài ra còn thu giữ 01 chiếc xẻng cán bằng tre, các bị cáo khai nhận đã dùng chiếc xẻng này để đào hố chôn giấu ma túy.

Cũng trong khoảng thời gian đầu tháng 3/2020, Cao Văn V tiếp tục chỉ đạo Trần Đức D bán ma túy và D đã thuê nhà số 160, đường Y2 thuộc tổ K2, phường Z4, thành phố C ở và rủ Hà Ngọc A bán ma túy. Thời gian này, D lấy ma túy từ Cao Văn N và tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank của Phạm Trí H và tài khoản ngân hàng Vietinbank số 107869880854 của Hà Ngọc A để nhận tiền bán ma túy. Số tiền bán ma túy D chuyển vào tài khoản của Cao Văn V và tài khoản ngân hàng Agribank số 8809205056235 của Nguyễn Mai L (bạn gái V). Đầu tháng 4/2020, V gọi điện cho Lương Đức T4 bảo lên Lào Cai ở cùng Trần Đức D và Hà Ngọc A để bán ma túy. Ngày 14/4/2020, D nhận được thông tin Công an đang truy tìm, sợ bị phát hiện nên D đưa số ma túy còn lại là 14 chỉ Ketamine và 14 viên MDMA cho T4 và Ngọc A tiếp tục bán và để lại chiếc xe mô tô BKS 29H1 - 272.XX, sau đó D sang

tỉnh Thái Nguyên ở cùng Cao Văn V. T4 và Ngọc A bán hết số ma túy trên, một phần đã chuyển tiền vào tài khoản cho V, còn 9.500.000 đồng tiền mặt thì V cho T4 3.000.000 đồng, cho Ngọc A 2.000.000 đồng và V bảo T4 mang 4.500.000 đồng đưa cho bà Hoàng Thị D1 (mẹ V).

Thời gian này, Trần Đức D, Hà Ngọc A, Lương Đức T4 khai nhận đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều người, trong đó có: Võ Hồng H1 đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Phạm Trí H và của Hà Ngọc A tổng số tiền 71.700.000 đồng; Nguyễn Thành L3 nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản của Hà Ngọc A tổng số 40.300.000 đồng; Đoàn Thị Quỳnh M chuyển tiền vào tài khoản của H là 8.100.000 đồng, chuyển vào tài khoản Hà Ngọc A 17.150.000 đồng; Phạm ĐK chuyển 02 lần vào tài khoản của H là 4.800.000 đồng. Còn có các khoản tiền từ một số tài khoản khác chuyển vào tài khoản của H và Ngọc A. Số tiền mặt nộp vào tài khoản Phạm Trí H 03 lần tổng 44.000.000 đồng, số tiền nộp vào tài khoản Ngọc A là 03 lần tổng 35.600.000 đồng. Ngoài ra, ngày 15/3/2020, có người tên Tuấn Hải gọi điện thoại cho Cao Văn V hỏi mua ma túy với giá 20.000.000 đồng gồm 10 viên MDMA và Ketamine, sau đó V gọi điện thoại bảo Trần Đức D mang ma túy đi bán cho Tuấn Hải. Tổng số tiền V đã nhận từ tài khoản của Phạm Trí H và Hà Ngọc A là 251.300.000 đồng. Trong đó: tài khoản Phạm Trí H là 03 lần tổng 110.000.000 đồng, tài khoản của Hà Ngọc A 03 lần tổng 56.900.000 đồng, từ tài khoản Ngọc A chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Nguyễn Mai L (bạn gái V) là 04 lần tổng 84.400.000 đồng, Nguyễn Mai L khai V có mượn tài khoản ngân hàng của L để nhận tiền và chuyển tiền, L không biết Hà Ngọc A chuyển tiền gì.

Ngày 15/3/2020, V gọi điện thoại cho Lê Minh Đ hỏi về việc có thông tin Công an đang xác minh truy tìm V tại huyện B, Lê Minh Đ đã cung cấp cho V một số thông tin về Đồng Duy N2 và Nguyễn Huy T (Mít) và thông báo cho V biết vụ án Đồng Duy N2 đã chuyển đến Cơ quan CSĐT cấp tỉnh giải quyết, Đức xúi giục V bỏ trốn (né đi), V nhờ Đức có thông tin gì thì thông báo, Đức đồng ý. Sau đó V đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị cáo, Lệnh bắt bị cáo để tạm giam, đến ngày 24/4/2020 đã bắt được V tại tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Đức D, Nguyễn Huy T, Đồng Duy N2, Phạm Trí H còn khai: Chiều ngày 08/02/2020, Cao Văn V gọi điện cho Trần Đức D bảo mang Ketamine kèm túi nhỏ dùng để chia ma túy đến cho Lê Minh Đ, D đã lấy ma túy đưa cho Đồng Duy N2 mang lên cho Đ, về nội dung này Đồng Duy N2 khai đã nhận ma túy từ D, lấy thêm túi ni lon mang đến đưa cho Đ tại nhà ở Đường G1, phường Z, thành phố C. Ngay sau đó, Đ tiếp tục gọi điện bảo N mang cân điện tử cho Đ, hôm sau N lên nhà Đ lấy cân về. Trong tháng 02/2020, Đặng Thái S2 đến nhà nghỉ BA hỏi Nguyễn Huy T vay 10 chỉ ma túy Ketamine. T bảo D đưa 10 chỉ Ketamine cho S2, về nội dung này T cũng khai nhận S2 có vay 10 chỉ Ketamine như D khai báo, S2 đã trả số ma túy này cho T vào tối ngày 28/02/2020, sau đó T cùng S2 lấy 01 chỉ Ketamine ra cùng nhau sử dụng. Nguyễn Huy T còn khai khoảng 23h

ngày 28/02/2020, Cao Văn V chỉ đạo T mang 50 viên TESLA đựng trong vỏ bao thuốc lá 555 đưa cho Lê Minh Đ, tại nhà ở Đường G1.

Về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy:

Khoảng ngày 05/02/2020, Phạm Trí H cho Nguyễn Việt D (D âm) thuê phòng để sử dụng ma túy 01 lần, thu số tiền 2.265.000 đồng và trực tiếp bán ma túy cho D 2 chỉ và 03 viên = 5.200.000 đồng (H có nhắn tin thanh toán tiền với D và D cũng thừa nhận việc này). Khoảng đầu tháng 02/2020, cho Trần VĐ (ĐD) bạn của V thuê phòng sử dụng 01 lần và mua ma túy tại nhà nghỉ BA; ngày 07/02/2020, H đã tính tiền với VĐ, gồm: tiền bán 03 chỉ ke và 06 viên kẹo; tiền 03 phòng trong đó có 02 phòng nghỉ, 01 phòng sử dụng ma túy, tiền nước uống, H nói với VĐ là V đã tính lại và giảm tiền phòng còn 1.500.000 đồng, nên tổng số tiền phải thanh toán là 16.000.000 đồng. VĐ đã chuyển tiền vào tài khoản của H 02 lần, lần đầu 11.500.000 đồng; lần 2 là 4.500.000 đồng. Quá trình điều tra Trần VĐ cũng khai nhận là biết V thuê nhà nghỉ BA để bán và cho thuê phòng sử dụng ma túy, VĐ đến nhà nghỉ BA gọi điện cho V hỏi thuê phòng sử dụng ma túy, V nói để H bố trí, sắp xếp, Đồng Duy N2 là người mang ma túy cho VĐ. Sau khi sử dụng xong VĐ đã chuyển tiền trả vào tài khoản của H và chụp màn hình điện thoại gửi thông báo cho H biết. Ngoài ra, Phạm Trí H còn khai nhận cho Đặng Thái S2 (là cán bộ Công an Thành phố C) và Bùi Thị LA đến thuê phòng sử dụng ma túy, cả S2 và LA cũng đều thừa nhận việc này và khai thiếu tiền phải gọi cho V xin khát nợ. Đồng thời, còn có đối tượng Nguyễn Thanh T6 (cán bộ Công an C), Nguyễn AT cũng tự khai là đến nhà nghỉ BA thuê phòng sử dụng ma túy (Tuần khai sử dụng cùng Đặng Thái S2). Toàn bộ số tiền thu được H đã chuyển vào tài khoản của V.

Đêm 08/02/2020, Lê Minh Đ, Đặng Thái S2, Lê Tiến Thành, Vũ Thị LP (vợ Đ), Nguyễn Thị TT đến nhà nghỉ BA tổ chức sinh nhật thì Trần Đức D khai theo sự chỉ đạo của V có lấy ma túy đưa cho một người trong nhóm này (không biết tên) ở ngoài cửa phòng 201 (không thu tiền); Đặng Thái S2 khai có sử dụng ma túy tại buổi sinh nhật, TT khai có nhìn thấy ma túy ở đĩa được Đ mời nhưng không sử dụng; H, N khai vào phục vụ nước nhìn thấy có ma túy để trên đĩa nhưng không biết của ai. Tuy nhiên, V, Đức, LP không thừa nhận có việc này và Đ, LP không đến nhà nghỉ BA.

Bị cáo Trần Đức D, Đồng Duy N2 khai nhiều lần cho khách thuê phòng sử dụng ma túy nhưng không xác định được thời gian và cho ai thuê. Kiểm tra điện thoại của Phạm Trí H, phát hiện có nhiều hình ảnh chụp 02 quyển sổ (02 quyển sổ này không thu được), ghi chép nhiều nội dung liên quan đến việc cho khách thuê phòng nghỉ, cho thuê phòng sử dụng ma túy và thu tiền (H khai do V chỉ đạo ghi chép vào sổ sách, mục đích theo dõi việc thu tiền hàng ngày). Tại nhà nghỉ có 02 quyển sổ, trong đó có 01 quyển sổ to, chủ yếu là H ghi và sau đó có D5 cũng có ghi chép, nội dung ghi chép: ngày, tháng, thời gian khách đến khách ra, đồ dùng nước uống, tiền, ký hiệu các phòng, cụ thể có 02 loại phòng giá tiền khác nhau. Phòng ghi ký hiệu “BY” là phòng bay cho khách thuê phòng sử dụng ma túy, tiền khách nghỉ ký hiệu

ghi là “ngủ”. Cơ quan điều tra đã thu giữ được đĩa, ống hút, thẻ cào các bị cáo khai những dụng cụ này dùng để phục vụ cho khách sử dụng ma túy.

Trong khoảng thời gian từ khi thuê nhà nghỉ BA đến khi Đồng Duy N2 bị bắt (ngày 29/02/2020), các bị cáo Nguyễn Huy T, Nguyễn Đức T5, Phạm Trí H, Trần Đức D, Đồng Duy N2 đều khai nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều đối tượng và nhiều lần cho khách thuê phòng sử dụng ma túy. Các đối tượng mua ma túy và thuê phòng sử dụng ma túy đã trả tiền chuyển vào 02 tài khoản của Phạm Trí H, cụ thể:

Đặng Thái S2, khai nhiều lần mua ma túy và thuê phòng sử dụng ma túy tại nhà nghỉ BA, S2 đã chuyển tiền nhiều lần tổng số 47.600.000 đồng; Võ Hồng H1, trú tại Tổ K3, phường Z1, thành phố C khai nhiều lần mua ma túy của Lương Đức T4, Trần Đức D đã nhiều lần chuyển tiền tổng số 53.500.000 đồng; Hoàng Văn D4 (D4 Black), trú tại thôn M3, xã U4, huyện I4, tỉnh Lào Cai khai nhiều lần mua ma túy của T4, D, Đồng Duy N2 và đã chuyển trả tổng số tiền 112.800.000 đồng. Ngoài ra, D4 còn cầm cố chiếc xe mô tô BKS 24B1 - 464.XX với giá 10.000.000 đồng để mua ma túy; Nguyễn Thành L3 (L3 Lập), trú tại Tổ K4, phường Z2, thành phố C nhiều lần mua ma túy của D, N và đã chuyển trả tổng số tiền 31.100.000 đồng; Đoàn Thị Quỳnh M (M minhon), trú tại K5, phường Z, thành phố C nhiều lần mua ma túy của D, N đã chuyển tổng số tiền 14.250.000 đồng; Nguyễn Thanh T6, trú tại thôn Đất Đền J3, thành phố C khai nhiều lần mua ma túy và thuê phòng sử dụng ma túy, T6 đã chuyển tổng số tiền 54.550.000 đồng; Phạm ĐK, trú tại K52, phường Z3, thành phố C nhiều lần mua ma túy của D, tổng số tiền 16.300.000 đồng; Đinh Trung K6, trú tại tổ 2A, thị trấn PR mua 01 chỉ Ketamine của Đồng Duy N2, K6 đã trả 4.500.000 đồng. Nguyễn Việt D (D Bâm), trú tại xã Mỹ Bằng, huyện B2, tỉnh Tuyên Quang nhiều lần mua ma túy của Nguyễn Huy T, N, H, T4 và có 01 lần thuê phòng sử dụng ma túy của H, tổng số tiền D chuyển khoản là 63.200.000 đồng; Trần VĐ, trú tại thôn Thị Tứ, xã L1, huyện B mua 03 chỉ Ketamine, 06 viên MDMA, và thuê phòng sử dụng ma túy, VĐ đã chuyển khoản trả 16.000.000 đồng. Vũ Mạnh Tn (Tn lùn), trú tại phố G6, phường I5, thành phố C1, tỉnh Yên Bái khai nhiều lần mua ma túy của T, T4.

Tổng số tiền các đối tượng mua ma túy đã chuyển vào 02 tài khoản của Phạm Trí H là 393.000.000 đồng, số tiền mà các bị cáo bán ma túy thu bằng tiền mặt và đã nộp vào tài khoản của H là 306.500.000 đồng. Ngoài ra còn các khoản tiền từ nhiều tài khoản khác chuyển đến tài khoản của H không xác định được.

Tổng số tiền chuyển từ tài khoản của Phạm Trí H đến tài khoản của Cao Văn V là 752.500.000 đồng.

Về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng:

Năm 2018, V nhờ T mua hộ 01 khẩu súng K54 với giá 35 triệu đồng của một người tên Cún tại Hà Nội, khẩu súng có đặc điểm bị mài hết phần thân súng; sau đó T đã mang lên Thái Nguyên giao cho V. Khoảng cuối năm 2019, V đã đưa khẩu súng

này cho Trần Đức D cất giấu, D đã cất giấu tại nhà trọ của mình tại xã L1, huyện B khoảng 03 ngày, sau đó trả cho V. Khẩu súng này thường hay để ở nhà nghỉ BA cùng với túi đựng ma túy, được cất giấu ở nhiều vị trí trong nhà nghỉ, D đã nhiều lần nhìn thấy khẩu súng này. Tối ngày 27/02/2020, V bảo D cầm túi ma túy và súng vào phòng ngủ của V để kiểm tra. Lúc này, trong phòng có V, T, D, V trực tiếp kiểm tra ma túy và súng, V cùng D, T kiểm tra ma túy trước, xong kiểm tra súng, có 04 khẩu súng, trong đó có 01 khẩu K54 và 03 khẩu súng bắn đạn cao su. V cầm 03 khẩu súng bắn đạn cao su mang ra ngoài đưa H lấy túi cất, còn T lấy túi vải đựng khẩu K54 cho vào túi ma túy đưa D đi cất giấu. D và T đều khai nhận và khai khẩu súng K54 không sử dụng được vì không có đạn, có 02 viên đạn bị hỏng không sử dụng. Kiểm tra điện thoại của T nhắn tin cho V, V bảo T mua 05 viên nhàn (đạn) K54, T khai là liên hệ mua của một người tên Công nhưng chưa mua được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Văn V phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Cao Văn V, Tù hình. Phạt bổ sung Cao Văn V 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 256; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Văn V phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Cao Văn V 08 (Tám) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Văn V phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Xử phạt Cao Văn V 03 (Ba) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Cao Văn V phải chấp hành hình phạt chung của 03 (Ba) tội là Tù hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bổ sung Cao Văn V 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Nguyễn Huy T, Tù hình. Phạt bổ sung Nguyễn Huy T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy T phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Xử phạt Nguyễn Huy T 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (Hai) tội là Tù hình. Phạt bổ sung Nguyễn Huy T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 (Chín) tháng tù tại Bản án số 48/2020/HSPT ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc Nguyễn Huy T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bổ sung Nguyễn Huy T 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Trần Đức D, Tử hình. Phạt bổ sung Trần Đức D 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Đức D phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Xử phạt Trần Đức D 02 (Hai) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Trần Đức D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là Tử hình. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bổ sung Trần Đức D 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Cao Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Cao Văn N, Tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2020. Phạt bổ sung Cao Văn N 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Vương Văn T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Vương Văn T1, Tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2020. Phạt bổ sung Vương Văn T1 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác (06 bị cáo), xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với một số đối tượng có liên quan đến vụ án, không đủ căn cứ chứng minh về hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã không xử lý hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định.

Ngày 17/5/2022, bị cáo Cao Văn V có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 17, 18/5/2022, các bị cáo Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N và Vương Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Văn V thừa nhận là người đứng ra thuê nhà nghỉ BA và giao cho Nguyễn Huy T trực tiếp quản lý, điều hành; thừa nhận có

hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, nhưng bị cáo không thừa nhận toàn bộ việc mua bán ma túy là do bị cáo chỉ đạo như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo khác đều thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu trong bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vương Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo đã thành khẩn khai báo tại phiên tòa phúc thẩm là tình tiết giảm nhẹ mới để áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ và H quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của các bị cáo, kết luận: Các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt như đã nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật; hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T1 thành khẩn khai báo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng do như đã nêu là hình phạt đã tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo; ngoài ra không có thêm tình tiết mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có ý kiến khiếu nại.

Ngày 17/5/2022, các bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Cao Văn N và Vương Văn T1 có đơn kháng cáo; ngày 18/5/2022, bị cáo Trần Đức D có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai là trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chỉ định Luật sư bào chữa cho tất cả các bị cáo theo quy định (các Luật sư được chỉ định đều có mặt); Luật sư bào chữa theo yêu cầu của bị cáo V vắng mặt; Luật sư bào chữa theo yêu cầu của bị cáo N từ chối nhận bào chữa và vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời ngoài bị cáo Vương Văn T1 thì các bị cáo khác đều từ chối Luật sư bào chữa cho mình theo chỉ định của Tòa án và đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy, trước khi mở phiên tòa lần này, Tòa án cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa 02 lần liên tiếp với cùng lý do Luật sư được người thân thích của bị cáo Cao Văn V và bị cáo Cao Văn N nhờ bào chữa cho các bị cáo vắng mặt; Đối với các bị cáo từ chối Luật sư bào chữa cho mình theo chỉ định của Tòa án tại phiên tòa

thì các bị cáo được thực hiện quyền tự bào chữa theo quy định. Căn cứ Điều 77; Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của các bị cáo và tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N, Vương Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Cao Văn V khai nhận có hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng; không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội khác như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết, nhưng đã thừa nhận bị cáo là người thuê nhà nghỉ và giao cho bị cáo T điều hành và thừa nhận có hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong quá trình nhà nghỉ hoạt động. Lời khai nhận này của bị cáo V là phù hợp với lời khai của bị cáo T và lời khai của các bị cáo khác tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa; lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, trong đó có lời khai của bị cáo V (BL 1583-1643); lời khai của những người liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để xác định:

[2.1.1] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Tháng 11/2019, Cao Văn V đã thuê nhà nghỉ BA để làm nơi bán ma túy và cho khách thuê phòng sử dụng ma túy. Quá trình hoạt động, V đã giao cho Nguyễn Huy T, Trần Đức D quản lý và bán ma túy; Phạm Trí H trực lễ tân, phục vụ phòng cho khách thuê sử dụng ma túy; Lương Đức T4 bán ma túy; Đồng Duy N2 vừa bán ma túy vừa trực lễ tân và chỉ đạo mọi hoạt động mua bán, cho khách thuê, sử dụng ma túy. Đồng thời, V chỉ đạo H mở tài khoản Ngân hàng để nhận tiền bán và tiền cho thuê phòng sử dụng ma túy, nhưng toàn bộ số tiền mua bán ma túy đều do V quản lý. Ngoài ra, V đã chỉ đạo T đi Hải Phòng 02 (hai) lần để nhận ma túy, toàn bộ số ma túy này T đã giao cho Cao Văn N (em trai của V) quản lý; chỉ đạo Trần Đức D gặp Cao Văn N lấy ma túy đến nhà nghỉ BA để bán. Trưa ngày 29/02/2020, Đồng Duy N2 đang vận chuyển 1,02 gam MDMA và 1,53 gam Ketamine đi bán thì bị bắt quả tang. Sau khi Đồng Duy N2 bị bắt, Nguyễn Huy T, Phạm Trí H bị đưa vào nhà cai nghiện, Cao Văn V rời khỏi nhà nghỉ BA.

Khoảng đầu tháng 3/2020, V tiếp tục chỉ đạo cho Trần Đức D về xã L1, huyện B lấy ma túy lên thành phố C để bán và gặp Cao Văn N để cất giấu số ma túy chưa bán hết mà N đang quản lý. Trần Đức D, Cao Văn N, Hà Ngọc A, Nguyễn Quý Đ1, Vương Văn T1 đã cùng nhau cất giấu số ma túy này tại nhà Hà Ngọc A. Đồng thời, V gọi điện cho Lê Minh Đ để hỏi về việc bị Công an đang xác minh truy tìm mình và được Đ xúi bẩy trốn. Sau đó V đã trốn sang tỉnh Thái Nguyên, đến ngày 24/4/2020 thì bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai bắt giữ.

Khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang Đồng Duy N2 là 1,02 gam MDMA và 1,53 gam Ketamine; Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét nhà nghỉ BA là 94,26 gam MDMA và 18,36 gam Ketamine; Khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét nhà của Hà Ngọc A là 1.300,42 gam MDMA và 307,35 gam Ketamine. Ngoài số ma túy đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang và khám xét, các bị cáo còn nhiều lần thực hiện hành vi mua bán ma túy, các loại ma túy đã bán là MDMA và Ketamine, nhưng do không thu giữ được nên không thể xác định chính xác khối lượng ma túy mà các bị cáo đã mua bán. Do đó, căn cứ vào Kết luận giám định số 60 ngày 06/3/2020 và Kết luận giám định số 29 ngày 07/01/2021 đều của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, để tính trung bình thì: 02 viên MDMA thu giữ khi bắt quả tang Đồng Duy N2 có khối lượng 1,02 gam/02 viên = 0,51 gam/01 viên; 02 túi (chỉ) Ketamine có khối lượng 1,53 gam/02 túi (chỉ) = 0,765 gam/01 túi; 03 loại viên MDMA thu giữ khi khám tại nhà Hà Ngọc A và viên có khối lượng nhỏ nhất trong 20 viên lấy ngẫu nhiên là 0,35 gam.

Áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, tính khối lượng 01 chỉ ma túy Ketamine không thu giữ được là 0,765 gam, khối lượng 01 viên ma túy MDMA không thu giữ được là 0,35 gam. Như vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy như sau:

Bị cáo Cao Văn V: Phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy là 2.808,55 gam MDMA và 679,72 gam Ketamine (gồm khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang Đồng Duy N2 là 1,02 gam MDMA và 1,53 gam Ketamine; khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét nhà nghỉ BA là 94,26 gam MDMA và 18,36 gam Ketamine; khối lượng ma túy thu giữ khi khám xét nhà của Hà Ngọc A là 1.300,42 gam MDMA và 307,35 gam Ketamine; Số ma túy các bị cáo đã bán là 1.412,85 gam MDMA và 352,48 gam Ketamine).

Bị cáo Nguyễn Huy T: Phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là 1.407,95 gam MDMA và 34,42 gam Katemine (gồm số ma túy bắt quả tang Đồng Duy N2 là 1,02 gam MDMA và 1,53 gam Ketamine; số ma túy khám xét nhà nghỉ BA là 94,26 gam MDMA và 18,36 gam Ketamine; số ma túy MDMA khám xét nhà Hà Ngọc A là 1300,42 gam MDMA và số ma túy bị cáo đã bán tại nhà nghỉ BA là 12,25 gam MDMA và 14,53 gam Ketamine (19 chỉ ma túy Ketamine và 35 viên MDMA, trong đó: T đưa cho Lương Đức T4 đi bán là 06 chỉ Ketamine và 10 viên MDMA; Phạm Trí H bán là 11 chỉ Ketamine và 19 viên MDMA; Đồng Duy N2 bán là 02 chỉ Ketamine và 06 viên MDMA).

Bị cáo Trần Đức D: Phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng là 1.409,35 gam MDMA và 347,89 gam Ketamine (gồm số ma túy bắt quả tang Đồng Duy N2 là 1,02 gam MDMA và 1,53 gam Ketamine; số ma túy thu tại nhà nghỉ BA là 94,26 gam MDMA và 18,36 gam Ketamine; số ma túy cất giấu tại nhà Hà Ngọc A là 1300,42 gam MDMA và 307,35 gam Ketamine; số ma túy các bị cáo đã bán là 20,65 gam Ketamine và 13,65 gam MDMA (27 chỉ Ketamine và 39 viên MDMA, trong đó: Số ma túy Phạm Trí H bán là 11 chỉ Ketamine và 19 viên MDMA; Đồng Duy

N2 bán là 02 chỉ Ketamine 06 viên MDMA; số ma túy Trần Đức D trực tiếp đưa cho T4 và Ngọc A bán là 14 chỉ Ketamine và 14 viên MDMA).

Bị cáo Cao Văn N: Phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là 1.305,32 gam MDMA và 318,06 gam Ketamine (gồm số ma túy cất giấu tại nhà Hà Ngọc A là 1300,42 gam MDMA; 307,35 gam Ketamine và số ma túy N đã đưa cho D bán, sau đó D đưa cho T4, Ngọc A bán là 10,71 gam Ketamine và 4,9 gam MDMA (14 chỉ Ketamine và 14 viên MDMA).

Bị cáo Vương Văn T1: Phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy thu giữ được khi khám xét tại nhà Hà Ngọc A là 1300,42 gam MDMA và 307,35 gam Ketamine.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N, Vương Văn T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.1.2] Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy:

Trong thời gian tháng 2/2020, Phạm Trí H là người được V thuê làm lễ tân tại nhà nghỉ và theo chỉ đạo của V, H đã 02 lần cho thuê phòng sử dụng ma túy, cụ thể: 01 lần cho Nguyễn Việt D thuê vào thời gian ngày 05/2/2020; 01 lần cho Trần VĐ thuê thời gian khoảng ngày 06/2/2020. Ngoài ra, Phạm Trí H còn bán ma túy cho Đặng Thái S2, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Anh Tuấn, Bùi Thị LA và cho những người này thuê phòng để sử dụng ma túy. Toàn bộ tiền bán ma túy và tiền cho thuê phòng, Phạm Trí H đã chuyển vào tài khoản của Cao Văn V. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Cao Văn V về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.1.3] Đối với hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng:

Năm 2018, V nhờ T mua 01 khẩu súng K54 với giá 35 triệu đồng của một người tên Cún tại Hà Nội và T đã mang súng lên Thái Nguyên giao cho V. Khoảng cuối năm 2019, V đã đưa khẩu súng này cho Trần Đức D cất giấu, D đã cất giấu tại nhà trọ của mình tại xã L1, huyện B khoảng 03 ngày, sau đó trả cho V. Khẩu súng thường để ở nhà nghỉ BA, được cất giấu ở nhiều vị trí trong nhà nghỉ.

Tối ngày 27/02/2020, V, T, D cùng kiểm tra ma túy và súng trước khi cất giấu, trong đó có 01 khẩu K54 và 03 khẩu súng bắn đạn cao su.

Tại bản Kết luận giám định số 3381/C09-P3 ngày 19/6/2020 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an kết luận: Khẩu súng bằng kim loại dài 20cm gửi giám định là súng K54, thuộc vũ khí quân dụng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Cao Văn V, Nguyễn Huy T và Trần Đức D về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2] Về hình phạt:

Các bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N, Vương Văn T1 biết rõ việc làm của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự,

nhưng vẫn thực hiện các hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo thuộc các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy, quản lý về vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây cản trở, khó khăn cho Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phạt các bị cáo mức hình phạt tù chung thân đến tử hình và áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền là cần thiết và phù hợp. Trong đó, phân hóa vai trò, tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo như sau:

[2.2.1] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Bị cáo Cao Văn V là người đứng ra thuê nhà nghỉ và chỉ đạo mọi hoạt động mua bán trái phép chất ma túy tại nhà nghỉ BA. Trực tiếp phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo, chỉ đạo H mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền của khách và sau đó toàn bộ số tiền mua bán ma túy đều phải chuyển vào tài khoản Ngân hàng của V. Sau khi các bị cáo ở nhà nghỉ BA bị bắt giữ, V vẫn tiếp tục chỉ đạo các bị cáo còn lại bán và cất giấu ma túy. Vì vậy, Cao Văn V phải chịu trách nhiệm với vai trò là người chỉ huy, khởi xướng, cầm đầu hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Huy T được V giao quản lý việc mua bán ma túy tại nhà nghỉ BA và trực tiếp nhận ma túy; bị cáo Trần Đức D được V giao quản lý việc mua bán ma túy, trực tiếp bán và cất giấu ma túy; bị cáo Cao Văn N được Cao Văn V giao quản lý, cung cấp và cất giấu ma túy. Vì vậy, T, D và Cao Văn N là đồng phạm với Cao Văn V và giữ vai trò người thực hành.

Bị cáo Vương Văn T1 được Cao Văn N giao cất giấu ma túy, T1 đã nhận túi ma túy mang chôn giấu tại nơi ở của mình. Vì vậy, T1 là đồng phạm cùng với Cao Văn N và giữ vai trò là người thực hành.

[2.2.2] Đối với hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy:

Bị cáo Cao Văn V là người đứng ra thuê nhà nghỉ, chỉ đạo việc cho thuê phòng tại nhà nghỉ BA để chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy; trực tiếp giao cho Phạm Trí H trực lễ tân, phục vụ phòng cho khách thuê sử dụng ma túy; chỉ đạo cho H mở tài khoản Ngân hàng để nhận tiền cho thuê phòng, toàn bộ số tiền thuê phòng đều phải chuyển vào tài khoản của V. Vì vậy, Cao Văn V phải chịu trách nhiệm với vai trò là người chỉ huy, khởi xướng hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[2.2.3] Đối với hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng:

Bị cáo Cao Văn V là người nhờ Nguyễn Huy T mua hộ 01 khẩu súng K54 với giá 35 triệu đồng và chỉ đạo Trần Đức D cất giấu súng. Vì vậy, V là người phải chịu trách nhiệm chính đối với hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng với vai trò là người khởi xướng.

Bị cáo Nguyễn Huy T là người trực tiếp đi mua súng giúp V và cùng V kiểm tra súng trong phòng ngủ của V vào tối ngày 27/02/2020. Vì vậy, T là đồng phạm với V và giữ vai trò là người thực hành.

Bị cáo Trần Đức D là người được V giao cất giấu súng. D đã mang súng về cất giấu tại nhà mình tại xã L1, sau đó mang lên cất giấu tại nhà nghỉ BA và cùng V, T kiểm tra súng trong phòng ngủ của V vào tối ngày 27/02/2020. Vì vậy, D là đồng phạm với V, T và giữ vai trò là người thực hành.

[2.3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Cao Văn V có 01 tiền sự, ngày 05/3/2020, bị Công an tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ -XPVPHC số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện I4 xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 06/2014/HSST ngày 19/3/2014. Mặc dù đến nay bị cáo đã được xóa án tích, nhưng về nhân thân là xấu. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa phúc thẩm đã nhận tội, nhưng vẫn không khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Huy T: Có 01 tiền sự, ngày 05/3/2020, bị Công an tỉnh Yên Bái ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPVPHC số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trước khi bị xét xử về tội này đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” tại Bản án số 48/2020/HS-PT ngày 17/02/2020 là người có nhân thân xấu. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Người phạm tội tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm” quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Đức D: Phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Người phạm tội tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm” quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Cao Văn N: Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Vương Văn T1: Có nhân thân xấu, thể hiện tại Bản án số 42/2008/HSST ngày 27/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện I3, tỉnh Yên Bái đã tuyên phạt Vương Văn T1 09 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 17/12/2016 chấp hành xong hình phạt, đến nay đã được xóa án tích. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (có bố đẻ Vương Thanh T3 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba). Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn nhận tội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và đối chiếu với các quy định của pháp luật là chưa đủ để xem xét chuyển từ hình phạt cho bị cáo từ chung thân sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Đối với lời khai của bị cáo Nguyễn Huy T và Trần Đức D tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng bị cáo Cao Văn V không phải là người chỉ đạo mọi hoạt động phạm tội tại nhà nghỉ mà còn có Lê Minh Đ chỉ đạo là không có chứng cứ chứng minh và nội dung này đã được làm rõ trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét lại.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm các tình tiết mới và căn cứ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo và ý kiến đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo T. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lý do trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, về phần hình phạt đối với các bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N, Vương Văn T1.

1. Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Văn V, Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 256; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Cao Văn V 08 (Tám) năm tù, về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Cao Văn V 03 (Ba) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Cao Văn V phải chấp hành hình phạt chung của 03 (Ba) tội là Tử hình. Phạt bổ sung 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục giam bị cáo Cao Văn V để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Huy T, Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Huy T 02 (Hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Huy T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 (Hai) tội là Tử hình. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 (Chín) tháng tù tại Bản án số 48/2020/HSPT ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; buộc Nguyễn Huy T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Huy T để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Đức D, Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Đức D 02 (Hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Trần Đức D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là Tử hình. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục giam bị cáo Trần Đức D để đảm bảo thi hành án.

4. Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Cao Văn N, Tù Chung thân, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2020; Phạt bổ sung 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

5. Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Vương Văn T1, Tù Chung thân, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2020. Phạt bổ sung 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Trần Đức D được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Các bị cáo Cao Văn V, Nguyễn Huy T, Trần Đức D, Cao Văn N, Vương Văn T1 phải nộp án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngày kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Nguyễn Văn Cường

Hồ Sỹ Hưng

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu HSVA, P.HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Sỹ Hưng

